

BẢNG 100 TỪ PHỔ BIẾN NHẤT TRONG TIẾNG ANH

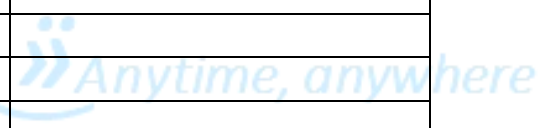
& PHƯƠNG PHÁP x10 VỐN TỪ ++ REVIEW 50 CHỦ ĐIỂM NGỮ PHÁP QUAN TRỌNG NHẤT

MỖI NGÀY 1 TỪ trên nhóm **TÔI HỌC TIẾNG ANH**

<https://www.facebook.com/groups/toihoctienganh.net/>


	Từ	Ngữ pháp	Ví dụ
1.	Time	Simple present (be, do, have)	<p>Time → phát triển từ dựa vào từ gốc theo 2 cấp độ. Cấp độ 1 tạo ra những từ 1 âm tiết, cấp độ 2 tạo các từ từ 2 âm tiết trở lên rồi viết câu theo tiêu chí ngữ pháp ở cột 3. Mỗi câu có chứa ít nhất 2 từ lấy nguồn ở cấp độ 2.</p> <p>To: today, online In: internet, network Me: money, energy Eat: enter, arrive, training</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Today I work online. ✓ Networking on the internet is easy now. ✓ Money is a great source of energy. ✓ When everybody arrives and Jack enters, the training starts.
2.	Person		
3.	Year		
4.	Way		
5.	Day		
6.	Thing	Present continuous	
7.	Man		
8.	World		
9.	Life		
10.	Hand		
11.	Part	Present perfect	
12.	Child	Present perfect continuous	
13.	Eye		
14.	Woman		
15.	Place		
16.	Week	Simple past (be, do, have)	
17.	Case		
18.	Point		
19.	Government		
20.	Company		
21.	Number	Past continuous	
22.	Group		
23.	Problem		
24.	Fact		
25.	Have		
26.	Do	Past perfect	
27.	Say	Past perfect continuous	
28.	Get		

29.	Make		
30.	Go		
31.	Know	Future simple - To be going to do - To be + verb.ing - Present simple	
32.	Take		
33.	See		
34.	Come		
35.	Think		
36.	Look	Future continuous Future perfect Future perfect continuous	
37.	Want		
38.	Give		
39.	Use		
40.	Find		
41.	Tell	Can	
42.	Ask	Could	
43.	Work	May	
44.	Seem	Might	
45.	Feel	Must	
46.	Try	Have to	
47.	Leave	Shall - should	
48.	Call	Will – would	
49.	Good	Passive voice	
50.	New		
51.	First		
52.	Last		
53.	Long		
54.	Great		
55.	Little		
56.	Own		
57.	Other		
58.	Old		
59.	Right		
60.	Big		
61.	High		
62.	Different		
63.	Small		
64.	Large		
65.	Next		
66.	Early		
67.	Young		
68.	Important		
69.	Few		
70.	Pubic		



Learning247.vn

71.	Bad		
72.	Same		
73.	Able		
74.	To		
75.	Of		
76.	In		
77.	For		
78.	On		
79.	With		
80.	At		
81.	By		
82.	From		
83.	Up		
84.	About		
85.	Into		
86.	Over		
87.	After		
88.	The		
89.	And		
90.	A		
91.	That		
92.	I		
93.	It		
94.	Not		
95.	He		
96.	As		
97.	You		
98.	This		
99.	But		
100.	His		
101.	They		
102.	Her		
103.	She		
104.	Or		
105.	An		
106.	Will		
107.	My		
108.	One		
109.	All		
110.	Would		
111.	There		
112.	Their		

 Anytime, anywhere

Learning247.vn

 *Anytime, anywhere*

Learning247.vn